

GIỚI THIỆU SÁCH

TÌM HIỂU *THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN*

DŨ LAN LÊ ANH DŨNG^(*)

I. TÌM HIỂU VỀ HÌNH THỨC

Thánh ngôn (holy sayings) là lời dạy của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng. Hiệp tuyển (an anthology) là tập hợp các bài văn xuôi và văn vần được chọn lại.

1. Các bản in

Tháng 01/1928, Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh kết tập một số thánh giáo từ thời khai đạo (1925-1927) và in thành quyển *Thánh ngôn hiệp tuyển, bốn thứ nhứt (TNHT 1)*, 102 trang (14,8 x 22,2cm), Nhà in Tam Thanh (số 108-110 Place Maréchal Foch, Đa Kao, Sài Gòn) do Lê Thiện Phước (1895-1975) làm chủ.

TNHT 1 (gồm 88 bài, không kể phần *Thi văn dạy đạo*). Hiện nay, tạm ghi nhận đã được tái bản tám lần:

Năm 1931, Thái Hòa ấn quán của Hội Thánh (Long Thành, Tây Ninh);

Năm 1948, Nhà in Bảo Tồn (175 Đại lộ De la Somme, Sài Gòn);

Năm 1950, Nhà in Võ Văn Vân (Sài Gòn);

Năm 1955, năm 1957, Nhà in Hoàng Hải (Sài Gòn);

Năm 1964 và năm 1969, Nhà in Tuyết Vân (Sài Gòn);

Năm 1972, Nhà in Sơn Châu (Sài Gòn);

Năm 1973 (không ghi tên nhà in, nơi in).

Mãi đến năm 1963, Hội Thánh Tây Ninh mới in tiếp *Thánh ngôn hiệp tuyển, quyển thứ nhì (TNHT 2)*, 98 trang (14 x 20cm), Nhà in Tuyết Vân (367 Trần Hưng Đạo, Sài Gòn)⁽¹⁾. TNHT 2 (gồm 86 bài, không in *Thi văn dạy đạo*). Hiện nay, tạm ghi nhận đã được tái bản ba lần (in thêm *Thi văn dạy đạo*):

Năm 1966, Nhà in Tuyết Vân (Sài Gòn);

Năm 1970, không ghi nhà in;

Năm 1972, Nhà in Sơn Châu (Sài Gòn).

So với các thánh giáo được lưu lại trong hai quyển *Đạo sử xây bàn* (in ronéo) của Hương Hiếu (1887-1971), hai tập TNHT có nội dung ít hơn, tức là Hội Thánh đã chọn lọc và bớt lại rất nhiều.

2. TNHT gồm lời dạy của các Đấng nào?

Hai quyển TNHT tổng cộng 170 bài (không kể 4 bài in trùng), gồm lời dạy của 7 Đấng: Đức Chí Tôn (128 bài), Lý Thái Bạch (16 bài), Quan Âm Bồ Tát (4 bài), Quan Thánh (3 bài), Bát Nương (3

^{*}. Nhà nghiên cứu, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tôi chân thành cảm ơn Hiền tài Đức Nguyên Nguyễn Văn Hồng đã tặng bản in năm 1928, Đạt Truyền đã tặng bản in năm 1963, và Thái lễ sanh Võ Văn Tịnh đã tặng bản in năm 1964 và năm 1966 (LAD).

bài), Thái Thượng Đạo Tổ (2 bài), Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (2 bài).

Và 12 Đấng sau đây mỗi vị dạy một bài: Phật Thích Ca, Lê Sơn Thánh Mẫu, Tề Thiên Đại Thánh, Chơn Cực Lão Sư, Nhân Âm Đạo Trưởng, Tiêu Sơn Đạo Sĩ, Lục Nương, Thất Nương, Thượng phẩm Cao Quỳnh Cư, Thượng chưởng pháp Tương, Thanh Tâm, Thần Hoàng Bốn Cảnh Mỹ Lộc.

3. Trách nhiệm kết tập

Theo Hiến tài Đức Nguyên Nguyễn Văn Hồng (1940-2005)⁽²⁾, TNHT 1 do công kết tập của Thượng phẩm Cao Quỳnh Cư (1888-1929), Bảo pháp Nguyễn Trung Hậu (1892-1961) và Ngọc Đầu sư Lê Văn Lịch (1890-1947).

TNHT 2 hình thành do Đạo lệnh số 032/ĐL ngày 12/9/1926, của Thượng sanh Cao Hoài Sang (1901-1971), trao nhiệm vụ kết tập cho Hiến pháp Trương Hữu Đức (1890-1976).

4. So sánh các bản in

Năm bản TNHT 1 (1928, 1955, 1964, 1969, 1972) nội dung giống nhau;

Ba bản TNHT 1 (1931, 1948, 1950, 1957) nội dung giống nhau;

Bốn bản TNHT 2 (1963, 1966, 1970, 1972) nội dung giống nhau.

Lưu ý, các bản in giống nhau về đại thể. Nhưng nếu so sánh kĩ, nhiều chỗ, câu văn không giống hệt nhau. Số trang các bài trong TNHT 2 bản in các năm 1963, 1966 giống nhau.

Về hình thức, còn thấy một số khác biệt lớn như sau:

a. Mục lục

TNHT 1 (1928) và TNHT 2 (1963)

không làm mục lục. Các bản TNHT 1-2 in từ năm 1964 trở đi đều làm mục lục và kèm theo vài dòng tóm tắt đại ý từng bài thánh giáo.

b. Tám bản dịch

TNHT 1 (1928) in 8 bài thánh giáo tiếng Pháp, không kèm theo bản dịch tiếng Việt.

TNHT 1 (1955) xếp 8 bản dịch tiếng Việt ngay bên dưới 8 bài thánh ngôn tiếng Pháp⁽³⁾. Từ bản in năm 1964 về sau, Hiến pháp Trương Hữu Đức đưa 8 bản dịch tiếng Việt xuống in ở cuối sách, nối theo phần *Thi văn dạy đạo*.

c. Cắt 20 bài thơ âm Hán-Việt

Trong các bản in TNHT 1 từ năm 1964 trở về sau, Hiến pháp Trương Hữu Đức đã cắt 20 bài thơ tứ tuyệt âm Hán-Việt trong phần *Thi văn dạy đạo*. Cuối phần *Thi văn dạy đạo*, với cương vị Trưởng ban Kiểm duyệt, ông cho in *Lời thanh minh* nói rõ lí do cắt bỏ như sau: “[20 bài ấy] không được rõ ràng và khó hiểu, nếu tái bản thêm tốn giấy mà không bổ ích cho độc giả nên miễn đăng” (TNHT 1, 1964, tr.119).

d. Đánh số thứ tự

Chỉ riêng TNHT 1 (1948, 1950) mới đánh số thứ tự các bài thánh giáo, đánh số các bài thơ Đường luật (bát cú và tứ tuyệt) trong phần *Thi văn dạy đạo*. Tổng cộng 135 bài.

e. Hai chỗ khác nhau trong TNHT 1 bản in năm 1928 và năm 1931

(i) TNHT 1 (1928, tr. 19), thánh giáo tại Trường Sanh Tự (Cần Giuộc), Chủ

2. Truy cập tại: [www-personal.usyd.edu.au/~tnhtct/...](http://www-personal.usyd.edu.au/~tnhtct/)

3. Theo Hiến tài Đức Nguyên Nguyễn Văn Hồng.

nhật, ngày 30/5/1926 (tức ngày 19 tháng 4 năm Bính Dần), Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế kết thúc lời dạy như sau: “*Bổn hội nghe*:

“*Giữa chùa, gần hai gian thờ Quan Âm Bồ Tát và Quan Thánh Đế Quân, phải lập ra một điện để Thánh tượng Ta ở giữa. Bên mặt Ta để tượng Quan Âm, bên trái thì tượng Quan Đế, còn chư Tiên, chư Thánh, chư Phật, để hàng dưới. Xưng hiệu chùa là Ngọc Hoàng Tự*”.

Nguyên phần dẫn trên (59 chữ) không được in trong TNHT 1 (1931, 1948, 1950, 1957).

(ii) TNHT 1 (1928) có in 3 bài được dạy ngày 01/11/1926 (ngày 26 tháng 9 năm Bính Dần) tại đàn Minh Tân, của *Thái Thượng Lão Quân* (tr. 46), *Tề Thiên Đại Thánh* (tr. 47), và *Lê Sơn Thánh Mẫu* (tr. 48).

Ba bài này không được in trong TNHT 1 (1931, 1948, 1950, 1957).

f. Bốn bài thánh giáo in trùng trong TNHT 1 và TNHT 2

(i) Bài *Tà dâm giải*, TNHT 1 (1928, tr. 29), do Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy tại Ngọc Đàn (Giồng Ông Tố), thứ sáu, ngày 30/7/1926 (tức ngày 21 tháng 6 năm Bính Dần). Trong TNHT 2 (1963, tr. 64) in lại bài này, ghi năm Mậu Thìn (1928) và ghi tiêu đề *Bất tà dâm*, nhưng không ghi nơi lập đàn.

(ii) Bài *Giải tửu*, TNHT 1 (1928, tr. 64), do Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy tại Tây Ninh ngày 18/01/1927 (tức ngày 15 tháng 12 năm Bính Dần). Trong TNHT 2 (1963, tr. 65) in lại bài này, ghi năm Mậu Thìn (1928) và ghi tiêu đề

Bất ẩm tửu, nhưng không ghi nơi lập đàn.

(iii) Bài thánh giáo của Đức Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai trong TNHT 1 (1928, tr. 74) chỉ in là *Février 1927* (tháng 02 năm 1927). Trong TNHT 2 (1963, tr. 33) in lại bài này nhưng ghi ngày 05/3/1927.

(iv) Bài thánh giáo của Thầy trong TNHT 1 (1928, tr. 83) chỉ ghi ngày 1er Juin 1927 (ngày 01/6/1927). Trong TNHT 2 (1963, tr. 37) in lại bài này nhưng ghi thêm nơi lập đàn là Phước Thọ và ghi hồng danh Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài giáo đạo Nam Phương.

g. Ba bài thơ bát cú in trùng trong quyển TNHT 2

TNHT 2 (1966) trích thánh giáo bằng văn vần in trong phần *Thi văn dạy đạo*, có ba bài thơ Đường luật (bát cú) trùng với ba bài thơ đã in trong phần thánh ngôn phía trước:

In trùng bài “*Cậy kẻ dạy con cũng lẽ thường...*” ở các trang 52 và 115.

In trùng bài “*Rừng thiền nhật thúc tiếng chuông trưa...*” ở các trang 34 và 116.

In trùng bài “*Dặm dài bước lạ nẻo chưa quen...*” ở các trang 14 và 120.

h. Sai khác câu văn giữa các lần tái bản

Lẽ thường, bản in lần sau tốt hơn bản in lần đầu. Thí dụ, TNHT 1 (1928, tr. 7), in: “*Khi chấp thủ tuân theo chơn thần nói lại mà viết ra, mừng tượng như con đặt để, con hiểu đặng vậy*” (ngày 03/01/1926). Khi tái bản, bổ sung hai chữ nên câu văn rõ nghĩa hơn: “*Khi*

chấp thủ thì tay tuân theo chơn thần nói lại mà viết ra, mường tượng như con đặt để, con hiểu đặng vậy” (TNHT 1, 1964, tr. 6).

Cũng thánh giáo ngày 03/01/1926, bản 1928 (tr. 8) in: “Như chấp cơ mà mê, thì chơn thần ra trọn vẹn khỏi xác. Thầy mới dạy nó viết chữ chi đó, nó đồ theo. Thầy nói tên chữ, xác nó cầm cơ viết ra; ngoài nói tên chữ trật, nó nghe đặng, không chịu. Thầy buộc viết lại và rầy kẻ đọc trật ấy”.

Năm chữ “ngoài nói tên chữ trật” nên hiểu là người quỳ ở phía ngoài, gần bàn cầu cơ (tức là độc giả) có nhiệm vụ nhìn chữ viết trên bàn cơ rồi xướng lên cho người làm nhiệm vụ ghi chép lại (điển kí). Ba chữ “nói tên chữ” ở đây cũng phù hợp bốn chữ đầu câu “Thầy nói tên chữ”. Nhưng khi tái bản, tiếc thay lại sửa chệch đi là: “Như chấp cơ mà mê, thì chơn thần ra trọn vẹn khỏi xác. Thầy mới dạy nó viết chữ chi đó, nó đồ theo. Thầy nói tên chữ, xác nó cầm cơ viết ra; người đọc trật chữ, nó nghe đặng, không chịu. Thầy buộc viết lại và rầy kẻ đọc trật ấy” (TNHT 1, 1964, tr. 6).

Nhiều khi, bản in đầu câu văn sáng sửa vì đủ chữ đủ ý, nhưng khi tái bản thì sót chữ sót ý. Chẳng hạn, thánh giáo ngày chủ nhật, 19/12/1926, bản TNHT 1 (1928, tr. 57) in như sau: “Các con đã sanh ra tại thế này, ở tại thế này, chịu khổ não tại thế này, rồi chết cũng tại thế này. Thầy hỏi: Các con chết rồi các con ra thế nào? Các con đi đâu?”.

Bản TNHT 1 (1964, tr. 68) in như sau: “Các con đã sanh ra tại thế này, chịu ở tại thế này khổ não tại thế này, rồi chết cũng tại thế này. Thầy hỏi: Các

con chết rồi các con ra thế nào? Các con đi đâu?”.

Cũng thánh giáo ngày chủ nhật, 19/12/1926, bản in năm 1928 (tr. 57) như sau: “Nhơn phẩm nơi thế này lại còn chia ra phẩm giá mỗi hạng. Đứng bậc đế vương nơi trái địa cầu này chưa đặng vào bậc chót của địa cầu 67. Trong địa cầu 67, hơn loại cũng phân ra đẳng cấp dường ấy. Cái quý trọng của mỗi địa cầu càng tăng thêm hoài, cho tới đệ nhứt cầu, tam thiên thế giới; qua khỏi tam thiên thế giới thì mới đến tứ đại bộ châu; qua tứ đại bộ châu mới vào đặng tam thập lục thiên; vào tam thập lục thiên rồi phải chuyển kiếp tu hành nữa mới đặng lên đến Bạch Ngọc Kinh, là nơi đạo Phật gọi là Niết Bàn đó vậy”.

Như thế, dễ suy và hiểu rằng trái đất (địa cầu 68) thấp hơn địa cầu 67 và cao hơn các địa cầu 69-72. Đứng đầu thất thập nhị địa (72 địa cầu) là địa cầu số 1.

Thất thập nhị địa thấp hơn tam thiên thế giới (3.000 thế giới).

Tam thiên thế giới thấp hơn tứ đại bộ châu (4 bộ châu lớn).

Tứ đại bộ châu thấp hơn tam thập lục thiên (36 tầng Trời).

Tam thập lục thiên thấp hơn Bạch Ngọc Kinh (Niết Bàn).

Lời Thầy dạy trong TNHT 1 như vậy làm rõ nghĩa hai câu kinh cúng tứ thời trong bài xưng tán Đức Đại La Thiên Đế:

“Thượng chưởng tam thập lục thiên, tam thiên thế giới.

Hạ ốc thất thập nhị địa, tứ đại bộ châu”.

Bản in năm 1964 (tr. 68) như sau: *“Nhơn phẩm nơi thế này lại còn chia ra phẩm giá mỗi hạng. Đứng bậc đế vương nơi trái địa cầu này chưa đứng vào bậc chót của địa cầu 67. Trong địa cầu 67, nhơn loại cũng phân ra đẳng cấp đường ấy. Cái quý trọng của mỗi địa cầu càng tăng thêm hoài, cho tới đệ nhứt cầu, tam thiên thế giới; qua khỏi tam thiên thế giới thì mới đến tứ đại bộ châu [qua tứ đại bộ châu] mới vào đứng tam thập lục thiên; vào tam thập lục thiên rồi phải chuyển kiếp tu hành nữa mới đứng lên đến Bạch Ngọc Kinh, là nơi đạo Phật gọi là Niết Bàn đó vậy”*. Tức là in sót năm chữ “; *qua tứ đại bộ châu*” nằm trong dấu [...].

Bản TNHT 1 (1928, tr. 71) ghi ngày Thượng chưởng pháp Tương giảng đàn là Tây Ninh, 1 Février 1927 và kèm thêm ngày 01 tháng 1 năm Đinh Mão. Nếu âm lịch đúng thì dương lịch lẽ ra là ngày 02/02/1927. Khi tái bản, TNHT 1 (1964, tr. 85) chỉ in *“Tây Ninh, 1 Février 1927 (Đinh Mão)”* bỏ bớt ngày âm lịch nên không còn cơ sở đối chiếu ngày tháng để biết sai đúng ra sao.

5. Cách xếp thứ tự các thánh giáo

Thoạt nhìn, dễ thấy ngay các bài trong 2 quyển dường như được xếp theo thứ tự thời gian (*chronological*). Tuy nhiên, việc ghi xuất xứ (đối chiếu âm lịch và dương lịch, thời gian và địa điểm lập đàn) thường không đầy đủ và nhất quán. Có bài ghi đủ cả (thí dụ) thứ bảy, chủ nhật kèm theo ngày, tháng, năm; có bài chỉ ghi tháng và năm. Có bài ghi đủ dương lịch và âm lịch; có bài chỉ ghi âm lịch hoặc dương lịch. Có bài sót luôn

ngày tháng (thí dụ, lời dạy của Bát Nương, TNHT 2, 1963, tr. 7).

Ngoài ra, thứ tự thời gian thật sự chưa chặt chẽ. TNHT 1 kết thúc với thánh giáo tháng 7/1927, nhưng sang TNHT 2 lại in tiếp từ tháng 7-1926 cho tới tháng 6/1927 rồi mới chuyển sang tháng 9/1927. Ngoài ra, do ý muốn gom năm bài dạy về ngũ giới cấm đặt chung một chỗ nên TNHT 2 đã đem 3 thánh giáo năm 1926 và 2 thánh giáo năm 1927 xếp chen vào giữa thánh giáo tháng 7/1928 và tháng 02/1929.

Lại thấy, ngay sau bài thánh giáo đêm Noel (ngày 24/12/1925) tại nhà Cao Quỳnh Cư (1888-1929) là bài tứ tuyệt điểm danh 12 môn đệ đầu tiên (*Chiêu Kỳ Trung độ dẫn Hoài sanh...*) tại nhà Vương Quan Kỳ (1880-1939) vào đêm chủ nhật, ngày 21/02/1926 (ngày 08 rạng ngày 09 tháng 01 năm Bính Dần), nhưng không ghi ngày. Thế rồi tiếp theo là thánh giáo ngày 03/01/1926.

II. TÌM HIỂU VỀ NỘI DUNG: MỘT SỐ CHỦ ĐIỂM QUAN TRỌNG

1. Giáo lí căn bản

Chơn thần (ngày 03/01/1926)

Cõi Âm quang hay Địa Ngục (tháng 11/1932; ngày 11/04/1933; ngày 21/04/1933; ngày 08/05/1933; ngày 26/05/1933; ngày 12/02/1934; ngày 21/05/1934)

Đạo là gì? (năm 1926)

Đồng tử là tướng soái của Thầy (ngày 03/01/1926)

Đời là trường thi (ngày 31/3/1928)

Ngũ chi Đại đạo (ngày 24/4/1926)

Người chết đi về đâu? (ngày 19/12/1926)

Tam kì Phổ độ là gì? (ngày 08/4/1926)

Thiên nhân hiệp nhất (ngày 23/12/1931)

Tu là gì? (ngày 21/7/1926)

Ý nghĩa Thiên nhân (ngày 25/02/1926)

2. Luật Đạo - Hội thánh

1 Phật, 3 Tiên, 36 Thánh, 72 Hiền, 3.000 đồ đệ (ngày 04/10/1926)

Đức Lý Thái Bạch lãnh việc Giáo tông (ngày 29/10/1926; ngày 01/3/1931)

Pháp chánh truyền Cửu Trùng đài phái nam (ngày 20/11/1926)

Pháp chánh truyền Cửu Trùng đài phái nữ (ngày 02/02/1927)

Pháp chánh truyền Hiệp Thiên đài (ngày 13/02/1927)

Tân luật (ngày 24/12/1926; ngày 16/01/1927)

Ngũ giới cấm (ngày 18/01/1927; ngày 30/7/1926; năm 1928)

3. Nghi lễ

Ấn Tý, lạy, đại lễ (ngày 25/02/1926)

Mình thệ mới được Ôn Trên nhìn nhận (ngày 09/8/1926)

Mình thệ nhập môn (ngày 22/04/1926)

Nhạc lễ đại đàn (ngày 27/06/1926)

Thủ cơ, chấp bút (ngày 03/01/1926)

4. Nhận thức về Thầy

Thầy là khí hư vô (ngày 22/7/1926)

Thầy là Nhiên Đăng, Thích Ca,

Ngươn Thỉ (ngày 07/4/1926; ngày 31/5/1926)

Thầy mở đạo Thiên Chúa ở Châu Âu (ngày 24/12/1925)

5. Sử khai Đạo

Lập tịch đạo nam chức sắc Cửu Trùng đài (ngày 09/08/1926)

Lập tịch đạo nữ chức sắc Cửu Trùng đài (ngày 18/11/1926)

Lập Tờ khai đạo (ngày 22/09/1926)

Lệnh ngưng cơ bút phổ độ (ngày 01/06/1927)

Tên 12 môn đệ đầu tiên (liên sau thánh giáo ngày 24/12/1925)

Thiên phong chức sắc lần đầu tiên (ngày 22/04/1926)

6. Sử Tòa Thánh Tây Ninh

Dời khỏi Từ Lâm Tự (ngày 28/02/1927)

Làm quả càn khôn và 7 cái ngai (ngày 17/09/1926)

Tòa Thánh phải lập tại Tây Ninh (ngày 20/02/1927)

Vị trí và kích thước cất Tòa Thánh (ngày 28/02/1927)

7. Tịnh luyện - Tu tiên

Không được giấu bữu pháp (ngày 08/4/1926)

Nhị xác thân (ngày 17/7/1926)

Thập trai được thọ bữu pháp (ngày 17/7/1926)

Trường trai luyện đạo (ngày 17/7/1926)

8. Ý thức hệ Cao Đài

Đạo Thầy là quốc đạo (ngày 18/09/1926), v.v...

III. TỔNG LUẬN

Hai quyển *Thánh ngôn hiệp tuyển* là một bộ kinh chân truyền của đạo Cao Đài, bao gồm nhiều điểm căn bản về giáo lý (triết lý, đạo pháp), luật lệ, nghi lễ và lịch sử của đạo Cao Đài kể từ buổi tiêm ấn (ngày 24/12/1925) tính cho đến ngày 13/11/1935, tròn 10 năm.

Những vị khai đạo đã tuyển lại các thánh giáo do Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng giảng cơ ban trao ở nhiều nơi khác nhau, kết tập thành hai quyển: TNHT 1 (in lần đầu năm 1928, gồm 88 bài), và TNHT 2 (in lần đầu năm 1963, gồm 86 bài), tổng cộng 174 bài (kể cả bốn bài in trùng). Hai quyển ra đời cách nhau 35 năm, một khoảng thời gian quá dài!

Các bản in có một số lỗi chính tả (vốn là tình trạng chung, phổ biến của kinh điển Cao Đài ở nhiều hội thánh khác nhau), và thỉnh thoảng không tránh khỏi vài chỗ in trùng thánh giáo (văn xuôi và thơ Đường luật). Việc ghi xuất xứ (đối chiếu âm lịch và dương lịch, thời gian và địa điểm lập đàn) thường không đầy đủ và nhất quán. Thứ tự các bài xếp theo thời gian chưa chặt chẽ.

Những điều chưa hoàn chỉnh về hình thức nói trên không làm giảm bớt giá trị của chân lý đạo. Trái lại, đấy chính là những chứng từ cụ thể để ngày nay lớp người tiếp nối nhìn thấy mà càng thương kính, càng cảm phục các bậc tiền bối.

Bởi vì, họ đã dày công kết tập hai quyển TNHT trong hoàn cảnh lịch sử đạo vô cùng trắc trở, hiểm nguy. Công việc tu thư mang tính chuyên môn và khổ nhọc. Dầu thế, họ vẫn không quản ngại, rõ ràng đã làm đúng lời dạy của Đức Chí Tôn tại đàn Cầu Kho, ngày 08/01/1927 (tức ngày 05 tháng 12 năm Bính Dần): “*Vậy Thầy khuyên các con, đưa nào có trí lực bao nhiêu, khá đem ra mà thi thố, chớ đừng sợ sẽ theo thói nữ nhi, vậy cũng uống cái điểm linh quang của Thầy cấp để cho các con lắm*” (TNHT 1, 1928, tr. 61).

Nói cách khác, với nhiệt tâm hoàng giáo, các vị tiền bối đã can đảm và tin thành nhận lãnh trọng trách tu thư. Nhờ thế, ngày nay lớp người đi sau mới được thọ nhận những lời châu ngọc của Ông Trên đất dịu từng bước trên đường đạo.

Chỉ ước mong đạo Cao Đài sớm thống nhất, sẽ có một hội thánh duy nhất và ổn định. Bấy giờ, các chỗ chưa hoàn chỉnh trong TNHT nói riêng và các kinh sách khác nói chung, tất cả nhờ hội đủ điều kiện thiên thời, địa lợi, nhân hòa sẽ cùng được san định, ngõ hầu hình thức lẫn nội dung đều đề huề, vẹn vẻ.

Đó chính là trách nhiệm của những người sẽ được vinh hạnh tiếp nối công lao khai sơn phá thạch của hàng hàng lớp lớp tiền bối đã qua./.